**(7)CPC NGÀNH XÂY DỰNG**

*(Dịch các danh mục hàng hóa, dịch vụ liên quan đến Bộ Xây dựng trong các cam kết hội nhập quốc tế)*

**867 Các dịch vụ kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và kỹ thuật khác**

***8671 Các dịch vụ kiến trúc***

 86711Dịch vụ hỗ trợ và tiềnthiết kế kiến trúc

Các dịch vụ hỗ trợ, cố vấn và khuyến nghị liên quan đến các vấn đề kiến trúc và liên quan khác. Bao gồm ở đây là những dịch vụ như thực hiện các nghiên cứu sơ bộ giải quyết các vấn đề như triết lý vị trí, mục đích phát triển, các vấn đề khí hậu và môi trường, các yêu cầu sử dụng, các ràng buộc chi phí, phân tích lựa chọn địa điểm, lập tiếnđộ thiết kếvà xây dựng và các vấn đề khác ảnh hưởng đến bản chất của việc thiết kế và xây dựng của một dự án. Việc cung cấp các dịch vụ này không nhất thiết phải liên quan đến một dự án xây dựng mới. Ví dụ, nó có thể bao gồm tư vấn liên quan đến các phương tiện thực hiện bảo trì, cải tạo, phục hồi, tái chế của các tòa nhà, hoặc thẩm định các giá trị và chất lượng của các tòa nhà hoặc của tư vấn về bất kỳ vấn đề kiến trúc khác.

 86712 Dịch vụ thiết kế kiến trúc

Dịch vụ thiết kế kiến trúc cho các tòa nhà và các kếtcấu khác. Dịch vụ thiết kế có thể bao gồm một hoặc một nhiều thành phần khác nhau như: dịch vụ thiết kế phác họa, trong đó bao gồm sự xác định, với các khách hàng, đặc tính quan trọng của dự án, xác định mục đích, yêu cầu không gian, hạn chế về kinh phí và lập kế hoạch tiến độ; và chuẩn bị các bản phác thảo bao gồm các mặt bằng sàn, mặt bằng tổng thể và phối cảnh bên ngoài; dịch vụ phát triển thiết kế, trong đó bao gồm một minh họa chính xác hơn về ý tưởng thiết kế về mặt bằng tổng thể, hình dáng, chất liệu được sử dụng, các hệ thống kết cấu, cơ khí và điện và chi phí xây dựng có thể phát sinh; dịch vụ thiết kế cuối cùng, trong đó bao gồm các bản vẽ và thông số kỹ thuật được viết đầy đủ chi tiết để trình đấu thầu và xây dựng, và các chuyên gia tư vấn cho khách hàng tại thời điểm kêu gọi và tiếp nhận hồ sơ dự thầu.

86713 Dịch vụ quản lý hợp đồng

Dịch vụ hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho khách hàng trong giai đoạn xây dựng để đảm bảo rằng kết cấu đang được dựng lên phù hợp với các bản vẽ và thông số kỹ thuậtcuối cùng. Điều này liên quan đến các dịch vụ được cung cấp tạivăn phòng và ngoài hiện trường, chẳng hạn như thanh tra xây dựng, chuẩn bị các báo cáo tiến độ, cấp giấy chứng nhận thanh toán cho nhà thầu, hướng dẫn cho khách hàng và nhà thầu trong việc hiểu các văn bản hợp đồng và bất kỳ lời khuyên nào khác về các vấn đề kỹ thuật có thể phát sinh trong quá trình xây dựng.

86714 Dịch vụ kết hợp giữa thiết kế kiến trúc và quản lý hợp đồng

Tổ hợp các dịch vụ kiến trúc sử dụng tronghầu hết các dự án bao gồm các dịch vụ thiết kế sơ phác, phát triển thiết kế, thiết kế cuối cùng và quản lý hợp đồng. Điều này có thể bao gồm các dịch vụ sau xây dựng bao gồm việc đánh giá các thiếu sót trong xây dựng và các hướng dẫn về các biện pháp khắc phục cần được tiến hành trong thời gian 12 tháng sau khi hoàn thành việc xây dựng.

86719 Các dịch vụ kiến trúc khác

Tất cả các dịch vụ khác yêu cầu chuyên môn của các kiến trúc sư, chẳng hạn như chuẩn bị các tài liệu và thuyết trìnhquảng cáo, chuẩn bị các bản vẽ hoàn công, thường trực đại diện công trường trong giai đoạn xây dựng, cung cấp hướng dẫn sử dụng , vv

***8672 Các dịch vụ kỹ thuật xây dựng***

86721 Dịch vụ hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật xây dựng

Dịch vụ hỗ trợ, tư vấn và khuyến nghị liên quan đến các vấn đề kỹ thuật xây dựng. Bao gồm ở đây là việc tiến hành các nghiên cứu khả thi kỹ thuật sợ bộ và nghiên cứu tác động của dự án. Ví dụ như: nghiên cứu về ảnh hưởng của địa hình và địa chất trongthiết kế, xây dựng và chi phí của một con đường, đường ống dẫn hoặc cơ sở hạ tầng giao thông khác; nghiên cứu về chất lượng và sự phù hợp của vật liệu để sử dụng trong một dự án xây dựng và tác động vào thiết kế, xây dựng và chi phí của việc sử dụng các loại vật liệu khác nhau; nghiên cứu về tác động môi trường của dự án; nghiên cứu về hiệu quả đạt được trong sản xuất như là kết quả của các phương án vềquitrình, công nghệ hoặc mặt bằng nhà máy. Việc cung cấp các dịch vụ này không nhất thiết phải liên quan đến một dự án xây dựng. Ví dụ nó có thể bao gồm việc thẩm định lắp đặt kết cấu, cơ khí và điện của các tòa nhà, bằng chứng chuyên môn trong các trường hợp kiện tụng, hỗ trợ cho các cơ quan chính phủ trong việc xây dựng pháp luật, vv

86722 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật thi công xây dựng móng và kếtcấu công trình

Dịch vụ thiết kế kỹ thuật kết cấu khung chịu tải của các tòa nhà dân cư và thương mại, công nghiệp và cơ quan. Các dịch vụ thiết kế bao gồm một hoặc kết hợp các cách sau: thiết kế sơ bộ, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí để xác định ý tưởng thiết kế kỹ thuật; các bản thiết kế cuối cùng, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí, bao gồm các bản vẽ thi công, thông số kỹ thuật liên quan đến vật liệu được sử dụng, phương pháp lắp đặt, tiến độ thi công và các thông số kỹ thuật khác cần thiết cho việc nộp thầu, tư vấn xây dựng và tư vấn chuyên môncho khách hàng tại thời điểm kêu gọi và tiếp nhận hồ sơ dự thầu; các dịch vụ trong giai đoạn xây dựng.

Loại trừ: Các dịch vụ kỹ thuật xây dựng cho các tòa nhà nếu chúng là một phần không thể thiếu của dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng cho một công trình dân dụng hoặc nhà máy sản xuất hoặc cơ sở sản xuất.

86723 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật lắp đặt cơ khí và điện cho công trình

Dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng cơ khí và điện cho hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin liên lạc và lắp đặt hệ thống điện khác cho tất cả các loại tòa nhà, và / hoặc sưởi ấm, thông gió, điều hòa không khí, điện lạnh và lắp đặt cơ khí cho tất cả các loại tòa nhà. Dịch vụ thiết kế bao gồm một hoặc kết hợp các cách sau: Thiết kế sơ bộ, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí để xác định ý tưởng thiết kế kỹ thuật; các thiết kế cuối cùng, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí, bao gồm các bản vẽ làm việc, thông số kỹ thuật liên quan đến vật liệu được sử dụng, phương pháp lắp đặt, tiến độ thi công và thông số kỹ thuật khác cần thiết để nộp thầu và tư vấn xây dựng và tư vấn chuyên môn cho khách hàng tại thời điểm kêu gọi và tiếp nhận hồ sơ dự thầu; dịch vụ trong giai đoạn xây dựng.

86724 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (ở Việt Nam là hạ tầng)

Dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng cho xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng, chẳng hạn như cầu và cầu cạn, đập, bể chứa nước, tường chắn, hệ thống thủy lợi, các công trình kiểm soát lũ, đường hầm, đường cao tốc và đường phố bao gồm các nút giao và các công trình liên quan, đập khóa, kênh rạch, công trình bến cảng, công trình cung cấp nước và các công trình vệ sinh môi trường như hệ thống phân phối nước, nước, nước thải, nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất rắn và các dự án công trình dân dụng khác. Dịch vụ thiết kế bao gồm một hoặc kết hợp các cách sau: Thiết kế sơ bộ, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí để xác định ý tưởng thiết kế kỹ thuật; các thiết kế cuối cùng, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí, bao gồm bản vẽ thi công, thông số kỹ thuật liên quan đến vật liệu được sử dụng, phương pháp lắp đặt, tiến độ thi công và thông số kỹ thuật khác cần thiết để nộp thầu và tư vấn xây dựng và tư vấn chuyên môn cho khách hàng tại thời điểm kêu gọi và tiếp nhận hồ sơ dự thầu; dịch vụ trong giai đoạn xây dựng. Bao gồm các dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho tòa nhà là một phần không thể thiếu trong việc thiết kế kỹ thuật xây dựng cho công trình xây dựng dân dụng.

86725 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng cho quitrình và sản xuất công nghiệp

Dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho quá trình sản xuất, quy trình và các trang thiết bị. Bao gồm ở đây là những dịch vụ thiết kế có liên quan đến phương pháp cắt, xử lý, vận chuyển gỗ và sơ đồ vị trí khai thác gỗ; sơ đồ phát triển khai thác mỏ và xây dựng ngầm, toàn bộ cơ sở lắp đặt nhà máy phần nổi khai thác mỏ dân dụng, cơ khí và điện, bao gồm cần trục, máy nén khí, trạm bơm, máy nghiền, băng tải và quặng và các hệ thống xử lý chất thải; quá trình khôi phục dầu và khí, xây dựng, lắp đặt và / hoặc bảo trì các thiết bị khoan, trạm bơm, xử lý và bảo quản công cụ và các công cụ khai thác dầu mỏ khác; vật liệu chảy, sơ đồ thiết bị, hệ thống xử lý vật liệu, quy trình và điều khiển quá trình (có thể tích hợp các công nghệ máy tính) cho nhà máy sản xuất; máy móc thiết bị đặc biệt, thiết bị, dụng cụ hệ thống; bất kỳ dịch vụ thiết kế khác cho quy trình sản xuất và cơ sở vật chất. dịch vụ thiết kế bao gồm một hoặc kết hợp các cách sau: kế hoạch sơ bộ, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí để xác định thiết kế kỹ thuật sơ bộ; kế hoạch cuối cùng, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí, bao gồm bản vẽ thi công, thông số kỹ thuật liên quan đến vật liệu được sử dụng, phương pháp xây dựng và / hoặc lắp đặt, tiến độ thi công và thông số kỹ thuật khác cần thiết để trình đấu thầu và tư vấn xây dựng và chuyên gia tư vấn cho khách hàng tại thời điểm gọi và chấp nhận thầu; dịch vụ trong giai đoạn lắp đặt. Bao gồm các dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho tòa nhà là một phần không thể thiếu của các dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho các nhà máy hoặc cơ sở sản xuất.

86726 Dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng khác

Dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng chuyên môn khác. Bao gồm ở đây là những thiết kế âm thanh và rung kỹ thuật, thiết kế hệ thống điều khiển giao thông, phát triển nguyên mẫu và thiết kế chi tiết cho các sản phẩm mới và các dịch vụ thiết kế kỹ thuật chuyên ngành khác.

Loại trừ: Các thiết kế mỹ thuật của sản phẩm và thiết kế hoàn chỉnh của sản phẩm mà không yêu cầu kỹ thuật phức tạp (ví dụ đồ nội thất) được xếp vào khoản 87907 (dịch vụ thiết kế đặc biệt).

86727 Các dịch vụ kỹ thuật xây dựng khác trong giai đoạn thi công và lắp đặt

Dịch vụ hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho khách hàng trong quá trình xây dựng để đảm bảo rằng công tácxây dựng là phù hợp với thiết kế cuối cùng. Điều này liên quan đến các dịch vụ liên quan ở đâyđược cung cấp cho văn phòng và ngoài hiện trường, chẳng hạn như việc rà soát các bản vẽ thi công, thăm định kỳ công trường để đánh giá tiến độ và chất lượng công việc, hướng dẫn khách hàng và các nhà thầu trong việc hiểu các văn bản hợp đồng và bất kỳ lời khuyên nào khác về các vấn đề kỹ thuật có thể phát sinh trong quá trình xây dựng.

86729 Các dịch vụ kỹ thuật xây dựng khác

Các dịch vụ kỹ thuật không được phân loại ở trong danh mục. Bao gồm ở đây là dịch vụ địa kỹ thuật cung cấp cho các kỹ sư và kiến trúc sư các thông tin bên dưới bề mặt cần thiết để thiết kế các dự án; dịch vụ kỹ thuật nước ngầm bao gồm đánh giá nguồn nước ngầm, các nghiên cứu ô nhiễm và quản lý chất lượng; dịch vụ kỹ thuật ăn mòn bao gồm các chương trình kiểm tra, phát hiện và kiểm soát ăn mòn; điều tra thất thoát và các dịch vụ khác yêu cầu chuyên môn của các kỹ sư.

 ***8673 Các dịch vụ kỹ thuật xây dựng đồng bộ***

86731Dịch vụ kỹ thuật xây dựng đồng bộcho các dự án chìa khóa trao tay hạ tầng giao thông

Dịch vụ kỹ thuật xây dựng đồng bộ đầy đủ cho các dự án chìa khóa trao tay cơ sở hạ tầng giao thông vận tải. Dịch vụ bao gồm ở đây là các nghiên cứuqui hoạch và tiền đầu tư, thiết kế sơ bộ và thiết kế cuối cùng, dự toán, lập kế hoạch xây dựng, kiểm tra và nghiệm thu công việc hợp đồng cũng như các dịch vụ kỹ thuật, chẳng hạn như việc lựa chọn và đào tạo cán bộ và cung cấp các hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng và bất kỳ dịch vụ kỹ thuật khác được cung cấp cho khách hàng là thành phần của một gói tích hợp các dịch vụ cho một dự án chìa khóa trao tay.

86732 Dịch vụ kỹ thuật xây dựng và quản lý dự án đồng bộcho các dự án chìa khóa trao tay công trình cấp nước và vệ sinh

Các dịch vụ kỹ thuật xây dựng đồng bộ đầy đủ cho cho các dự án chìa khóa trao tay công trình cấp nước và vệ sinh. Dịch vụ bao gồm ở đây là các nghiên cứu qui hoạch và tiền đầu tư, thiết kế sơ bộ và cuối cùng, dự toán chi phí, lập kế hoạch xây dựng, kiểm tra và công nhận hợp đồng, cũng như các dịch vụ kỹ thuật, chẳng hạn như việc lựa chọn và đào tạo cán bộ và cung cấp các hướng dẫn vận hành và bảo trì và bất kỳ dịch vụ kỹ thuật khác được cung cấp cho khách hàng là thành phần của một gói tích hợp các dịch vụ cho một dự án chìa khóa trao tay.

86733 Dịch vụ kỹ thuật xây dựng đồng bộcho xây dựng các dự án chìa khóa trao tay sản xuất, chế tạo

Dịch vụ kỹ thuật xây dựng đồng bộ đầy đủ cho xây dựng các dự án chìa khóa trao tay sản xuất, chế tạo. Dịch vụ bao gồm ở đây là các nghiên cứu qui hoạch và nghiên cứu tiền đầu tư để giải quyết các vấn đề như sự tích hợp các hoạt động, lựa chọn địa điểm, kiểm soát ô nhiễm và nước thải và các yêu cầu về vốn; tất cả các dịch vụ thiết kế kết cấu, cơ khí và điện cần thiết; dịch vụ thiết kế kỹ thuật quy trìnhsản xuất bao gồm sơ đồ quá trình chi tiết dòng chảy, bản vẽ mặt bằng tổng thể và mặt bằng nhà máy, thông số nhà máy và thiết bị; thông số kỹ thuật đấu thầu; kiểm tra lập kế hoạch xây dựng và nghiệm thu công việc cũng như các dịch vụ kỹ thuật, chẳng hạn như việc lựa chọn và đào tạo cán bộ, cung cấp các hoạt động và hướng dẫn sử dụng bảo trì, hỗ trợ khởi nghiệp và các dịch vụ kỹ thuật khác tạo thành một phần của một gói tích hợp các dịch vụ cho một chìa khóa trao tay dự án.

86739 Dịch vụ kỹ thuật xây dựng đồng bộcho các dự án chìa khóa trao tay khác

Dịch vụ kỹ thuật đồng bộ đầy đủ cho các công trình xây dựng khác. Dịch vụ bao gồm ở đây là các nghiên cứu qui hoạch và tiền đầu tư, thiết kế sơ bộ và cuối cùng, dự toán chi phí, lập tiến độ xây dựng, kiểm tra và nghiệm thu hợp đồng, cũng như các dịch vụ kỹ thuật, chẳng hạn như việc lựa chọn và đào tạo cán bộ và cung cấp các hướng dẫn vận hành và bảo trì và những dịch vụ kỹ thuật bất kỳ khác được cung cấp cho khách hàng là thành phần của một gói tích hợp các dịch vụ cho một dự án chìa khóa trao tay.

***8674 Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan***

86741Dịch vụ quy hoạch đô thị

Dịch vụ phát triển các chương trình liên quan đến sử dụng đất, lựa chọn địa điểm, kiểm soát và sử dụng, hệ thống đường bộ và đất dịch vụ nhằm tạo ra và duy trì sự phát triểnđô thị có hệ thống, được điều phối tốt.

86742 Dịch vụ kiến trúc cảnh quan

Dịch vụ quy hoạch và thiết kế cho việc bố trícảnh quan thẩm mỹ của công viên, đất thương mại và dân cư, vv. Điều này bao gồm chuẩn bị qui hoạch tổng thể, bản vẽ thi công, thông số kỹ thuật và dự toán chi phí cho phát triển đất đai, cho thấy đường đồng mức, thảm thực vật cần được trồng, và các tiện ích như lối đi bộ, hàng rào và các khu vực đỗ xe. Cũng bao gồm các dịch vụ kiểm tra các công việc trong quá trình xây dựng.

**MỤC 5: CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ CÔNG TRÌNH; ĐẤT ĐAI**

**TIỂU MỤC 51: CÔNG TÁC XÂY DỰNG**

 Công tác lắp dựng trước; xây mới và sửa chữa, thay đổi, trùng tu và bảo trì nhà ở, tòa nhà không phải để ở hoặc các công trình kỹ thuật xây dựng dân dụng khác. Công tác này có thể được thực hiện bởi các nhà tổng thầu, là người thực hiện công tác thi công xây dựng hoàn thiện cho chủ dự án, hoặc cho bản thân; hoặc bởi các nhà thầu phụ chuyên về từng phần trong công tác xây dựng, như trong công tác lắp đặt, nơi mà giá trị công việc được thực hiện bởi các nhà thầu phụ trở thành một phần trong công việc của nhà thầu chính. Các sản phẩm được phân loại ở đây là các dịch vụ cần thiết trong quá trình sản xuất các loại công trình xây dựng khác nhau, đầu ra cuối cùng của các hoạt động xây dựng.

 **511Công tác lắp dựng trướctại công trường thi công**

 5111 -51110 Công tác điều tra công trường

 Công tác điều tra nhằm mục đích tìm kiếm địa điểm phù hợp nhất cho một dự án xây dựng, và công tác phân giới cắm mốc, đó là phân giới cắm mốc một vị trí nơi sẽ thực hiện một hay nhiều giai đoạn hay quá trình chính của công tác xây dựng.

 Loại trừ: Các dịch vụ khoan thử nghiệm được phân loại trong phân cấp 51130 (Công tác tạo lập và giải phóngcông trường). Các dịch vụ kiến trúc, kỹ thuật xây dựng, khảo sát và vẽ bản đồ được phân loại trong nhóm 867 (Các dịch vụ kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và kỹ thuật khác).

 5112 -51120 Công tác phá dỡ

 Công tác phá dỡ tòa nhà, các kết cấu khác, đường phố và đường cao tốc, và bán các vật liệu thu được từ hoạt động phá dỡ.

 5113-51130 Công tác tạo lập công trường và giải phóng mặt bằng

 Công tác chuẩn bị nhằm mục đích tạo ra công trường sẵn sàng cho công tác thi công xây dựng tiếp theo, bao gồm nổ mìn, khoan thử nghiệm và loại bỏ đá.

 5114-51140 Công tác khai quật và đào đất

 Công tác khai quật và đào đất, công tác chuyển đất, phân loại hiện trường xây dựng và đào mương rãnh.

 Loại trừ:Công tác đào móng được phân loại trong phân cấp 51510 (Công tác móng, bao gồm cả đóng cọc).

 5115-51150 Công tác chuẩn bị công trường để khai thác mỏ

 Công tác đào hầm, loại bỏ đất đá phủ và chuẩn bị khai thác các tài nguyên khoáng sản và hiện trường, trừ dầu mỏ và khí đốt.

 Loại trừ: Các dịch vụ xây dựng liên quan đến khai thác dầu và khí đốt được phân loại trong phân cấp 88300 (Các dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ).

 5116-51160 Công tác giàn giáo

 Công tác lắp dựng và tháo dỡ giàn giáo.

 **512 Công tác xây dựng tòa nhà**

 5121-51210 Đối với nhà ở đơn hoặc ghép đôi

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) các tòa nhà ở có 1 hoặc 2 đơn vị nhà ở.

 5122-51220Đối với nhà chung cư

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) tòa nhà ở có từ 3 đơn vị ở trở lên.

 5123-51230 Đối với các nhà kho và tòa nhà công nghiệp

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) các nhà kho và tòa nhà công nghiệp như tòa nhà sản xuất và công nghiệp nhẹ.

 Loại trừ: Công tác xây dựng đối với một số phương tiện đặc biệt được phân loại trong phân cấp 51360.

 5124-51240 Đối với tòa nhà thương mại

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) tòa nhà thương mại như tòa nhà văn phòng, tòa nhà ngân hàng, bãi đỗ xe, trạm xăng dầu và dịch vụ, trung tâm mua sắm và các nhà ga giao thông đường hàng không, đường sắt hoặc đường bộ.

 5125-51250 Đối với tòa nhà vui chơi giải trí công cộng

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) các tòa nhà vui chơi giải trí công cộng như rạp chiếu phim, rạp hát, phòng hòa nhạc, vũ trường và câu lạc bộ đêm.

 Loại trừ: Công tác xây dựng các phương tiện thể thao và giải trí được phân loại trong phân cấp 5137.

 5126-51260Đối với khách sạn, nhà hàng và các tòa nhà tương tự

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, ký túc xá, nhà hàng và các tòa nhà tương tự.

 5127-51270Đối với tòa nhà giáo dục

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) các công trình giáo dục như trường học, trường cao đẳng, trường đại học, thư viện, nơi lưu trữ và bảo tàng.

 5128-51280Đối với tòa nhà y tế

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) các tòa nhà y tế như bệnh viện và khu an dưỡng.

 5129-51290 Đối với các tòa nhà khác

 Công tác xây dựng (bao gồm công tác xây mới, công tác bổ sung, sửa đổi và cải tạo) các công trình phi nhà ở chưa được phân vào đâu, như tòa nhà tôn giáo và nhà tù.

 **513 Công tác xây dựng đối với công trình kỹ thuật xây dựng dân dụng**

 5131-51310 Đối với đường cao tốc (trừ đường cao tốc trên cao), đường phố, đường bộ, đường sắt và đường băng sân bay

 Công tác xây dựng đường cao tốc (trừ đường cao tốc trên cao), đường phố, đường bộ, đường cho xe cộ và người đi bộ khác, lan can, đường sắt và đường băng sân bay.

 Loại trừ: Công tác xây dựng đường cao tốc trên cao và đường tàu điện ngầm được phân loại trong phân cấp 51320.

 5132-51320 Đối với cầu, đường cao tốc trên cao, đường hầm và đường tàu điện ngầm

 Công tác xây dựng cầu, cầu vượt, đường cao tốc trên cao, đường cao tốc, hầm bộ hành và hầm đường sắt, và tàu điện ngầm.

 5133-51330 Đối với đường thủy, bến cảng, đập và các công trình nước khác

 Công tác xây dựng đường thủy, bến cảng và công trình sông, thủy lợi và các công trình nước khác.

 Loại trừ: Công tác xây dựng các đường ống dẫn, đường ống dẫn nước và thoát nước được phân loại trong các phân cấp 51340 (Đối với các đường ống dẫn, đường (cáp) thông tin liên lạc và đường dây điện có khoảng cách xa và 51350 (Đối với đường ống dẫn và dây cáp cục bộ; các công trình phụ trợ).

 5134-51340 Đối với các đường ống dẫn, đường (cáp) truyền thông và đường dây điệncó khoảng cách xa

 Công tác xây dựng các đường ống dẫn trên mặt đất hoặc ngầm và các đường dây (cáp) điện và viễn thông có khoảng cách xa.

 Loại trừ: Công tác xây dựng các đường ống dẫn khí, đường ống dẫn nước hoặc đường dây (cáp) thông tin liên lạc cục bộ được phân loại trong phân cấp 51350 (Công tác xây dựng các đường ống dẫn và đường cáp cục bộ; công trình phụ trợ).

 5135-51350 Đối với các đường ống dẫn và đường cáp cục bộ; công trình phụ trợ

 Công tác xây dựng các đường ống dẫn khí và đường ống dẫn và thoát nước cục bộ và các đường dây (cáp) điện và thông tin liên lạc. Công tác xây dựng các công trình phụ trợ như tháp đường dây tải điện bao gồm trạm ăng-ten và trạm biến áp và trạm biến thế phụ để phân phối trong phạm vi ranh giới cục bộ.

 Loại trừ: Công tác xây dựng các đường ống dẫn và đường cáp có khoảng cách xa được phân loại trong phân cấp 51340.

 5136-51360 Đối với các công trình khai thác mỏ và sản xuất

 Công tác xây dựng các công trình khai thác mỏ và sản xuất chưa được phân vào đâu, như trạm bốc dỡ, trục uốn lượn, nhà máy điện, nhà máy hóa chất, xưởng đúc sắt, lò nung và lò than cốc.

 Loại trừ:Công tác xây dựng các nhà kho và tòa nhà công nghiệp được phân loại trong phân cấp 51230.

 ***5137 Đối với các công trình thể thao và vui chơi giải trí***

 51371 Đối với sân vận động và sân thể thao

 Công tác xây dựng sân vận động và các sân thể thao khác nói chung sân chơi ngoài trời như bóng đá, bóng chày, bóng bầu dục, các môn điền kinh, đua xe ô tô, xe đạp và đua ngựa.

 51372 Đối với các công trình thể thao và vui chơi giải trí khác (như bể bơi, sân tennis, sân golf)

 Công tác xây dựng các công trình thể thao và vui chơi giải trí khác. Các công trình thể thao được phân loại ở đây hầu hết là các môn thể thao trong nhà và cung cấp ít không gian cho khán giả, như sân bóng rổ, sân trượt băng khúc côn cầu, bể bơi, sân tennis, phòng thể dục và đài đấu quyền anh. Công tác xây dựng các công trình vui chơi giải trí, như sân golf, công trình bãi biển, trạm cấp cứu trên núi, bến neo thuyền cho du thuyền, sân đỗ và các công trình đậu đỗ vui chơi giải trí.

 5139-51390 Đối với các công trình kỹ thuật xây dựng chưa được phân vào đâu

 Công tác xây dựng các công trình kỹ thuật xây dựng chưa được phân vào đâu, như xây dựng công trường mỏ.

 **514 Lắp ráp và lắp dựng các công trình đúc sẵn**

 5140-51400 Lắp ráp và lắp dựng các công trình đúc sẵn

 Lắp đặt tại công trường tòa nhà đúc sẵn hoàn chỉnh hoặc các công trình khác, hoặc lắp ráp và lắp dựng các phần đúc sẵn tại các vị trí bên trong tòa nhà hoặc các công trình khác trừ công tác lắp dựng các bộ phận thép đúc sẵn.

 Loại trừ: Công tác lắp dựng các bộ phận thép đúc sẵn đối với các tòa nhà và kết cấu khác được phân loại trong phân cấp 51550 (Uốn cong và lắp dựng thép (bao gồm cả hàn)).

 **515 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt**

 5151-51510 Công tác móng (bao gồm cả đóng cọc)

 Công tác móng và đóng cọc thương mại đặc biệt và các công tác liên quan.

 Loại trừ: Khai quật, đào và công tác làm đất khác được phân loại trong phân cấp 51140.

 Công tác bê tông được phân loại trong phân cấp 51540.

 Công tác móng dạng khối xây được phân loại trong phân cấp 51560 (công tác khối xây).

 5152-51520 Khoan giếng nước

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm khoan hoặc đào giếng nước; công tác lắp đặt và sửa chữa máy bơm giếng nước và hệ thống đường ống giếng.

 Loại trừ: Công tác lắp đặt và sửa chữa hệ thống đường ống trong tòa nhà được phân loại trong phân cấp51620 (Công tác đặt đường ống dẫn và thoát nước).

 5153-51530 Lợp mái và chống thấm

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm việc lắp đặt mái, máng xối và phun tia, ép chặt mái và công tác mái kim loại. Công tác sơn mái. Bao gồm cả công tác chống thấm khác cho tòa nhà.

 5154-51540 Công tác bê tông

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt liên quan đến đúc bê tông, đổ bê tông và công tác bê tông khác, bao gồm xi măng pooclan và atfan ở các dự án xây dựng.

 Loại trừ: Công tác xây dựng bao gồm lát mặt đường phố, đường cao tốc và vỉa hè công cộng được phân loại trong phân cấp 51310 (Công tác xây dựng đường cao tốc (trừ đường cao tốc trên cao), đường phố, đường bộ, đường sắt và đường băng sân bay).

 Công tác đặt khối được phân loại trong phân cấp 51560 (Công tác gạch đá).

 5155-51550 Uốn cong và lắp dựng thép (bao gồm cả hàn)

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm uốn cong thép, công tác xây dựng trên khung thép, công tác lắp dựng từ các cấu kiện thép kết cấu thương mại hay tự chế tạo cho các tòa nhà hay các kết cấu khác như cầu, cần cẩu hay cột truyền tải điện, và công tác cốt thép. Cũng bao gồm cả công tác hàn.

 5156-51560 Công tác xây gạch đá

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm lát gạch, lát khối, đặt đá và công tác gạch đá khác.

 Loại trừ: Công tác bê tông được phân loại trong phân cấp 51540.

 Công tác trang trí nội thất được phân loại trong phân cấp 51770.

 5159-51590 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt khác

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt khác chưa được phân vào đâu, như đào bia mộ, di chuyển nhà.

 **516 Công tác lắp đặt**

 5161-51610 Công tác sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm thiết bịsưởi ấm, thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí bằng điện hoặc không bằng điện. Trong đó bao gồm công tác ống gió và công tác kim loại tấm liên quan được thực hiện như 1 phần không thể thiếu của công tác này.

 Loại trừ: Công tác lắp đặt thiết bị sưởi ấm bằng điện được phân loại trong phân cấp 51649 (Công tác xây dựng điện khác).

 5162-51620 Công tác đặt ống dẫn và thoát nước

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt liên quan đến hệ thống ống nước nóng và lạnh sơ cấp (như dẫn nước), bao gồm lắp đặt thiết bị phun nước, lắp đặt thoát nước (trừ công tác xây dựng thoát nước thải hoặc nước nước mưa) và lắp đặt bể tự hoại. Trong đó bao gồm công tác đường ống phát sinh từ việc lắp đặt thiết bị.

 Loại trừ: Công tác xây dựng thoát nước thải hoặc nước nước mưađược phân loại trong phân cấp 51330 (Công tác xây dựng chung đối với đường thủy, bến cảng, đạp và các công trình nước khác).

 Công tác lắp đặt hệ thống sưởi không gian được phân loại trong phân cấp 51610 (Công tác sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí).

 5163-51630 Công tác xây dựng ống dẫn khí

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt liên quan đến hệ thống sưởi khô và ống dẫn khí tự nhiên, ngoại trừ công tác ống dẫn và sưởi ấm bằng điện.

 Loại trừ: Công tác sưởi ấm không gian, thông gió và điều hòa không khí được phân loại trong phân cấp 51610, cho dù có sử dụng với khí hay không.

 ***5164 Công tác điện***

 51641Công tác đấu nối dây điện

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt liên quan đến lắp đặt mạng dây điện cơ bản hoặc thiết bị điện trong tòa nhà hoặc các dự án xây dựng khác.

 Loại trừ: Công tác cách điện đối với dây điện từ đường ống nước được phân loại trong phân cấp 51650 (Công tác cách điện).

 51642 Công tác xây dựng hệ thống báo cháy

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm thiết bị báo cháy, chữa cháy và thoát hiểm khi hỏa hoạn.

 Loại trừ: Công tác lắp đặt thiết bị phun nước được phân loại trong phân cấp 51620 (Công tác đặt ống dẫn nước và thoát nước).

 Công tác chống cháy được phân loại trong phân cấp 51650 (Công tác cách điện (dây điện, nước, nhiệt, âm thanh)).

 51643Công tác xây dựng hệ thống chuông báo động

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm các hệ thống chuông báo động tại công trường xây dựng.

 51644 Công tác xây dựng ăng-ten nhà ở

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm ăng-ten nhà ở. Trong đó bao gồm công tác lắp đặt dây dẫn sét.

 51649Công tác xây dựng điện khác

 Công tác xây dựng điện thương mại đặc biệt khác chưa được phân vào đâu, như công tác xây dựng chiếu sáng đường cao tốc và tín hiệu điện và công tác lắp đặt thiết bị âm thanh, sưởi ấm bằng điện và viễn thông. Trong đó bao gồm công tác điện phát sinh từ việc lắp đặt các thiết bị điện.

 5165-51650 Công tác cách điện (dây điện, nước, nhiệt, âm thanh)

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt liên quan đếncách điện đối với dây điện từ đường ống nước, và đối với nước, nhiệt hoặc âm thanh, bao gồm các vật liệu cách điện chịu được thời tiết cho hốc tường bên ngoài và công tác cách nhiệt cho đường ống nước nóng và lạnh, nồi hơi và đường ống thông gió. Trong đó bao gồm công tác chống cháy.

 Loại trừ: Công tác chống thấm cho mái được phân loại trong phân cấp 51530 (Lợp mái và chống thấm).

 5166-51660 Công tác xây dựng hàng rào và lan can

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm hàng rào, lan can và các tường vây tương tự. Hàng rào có thể được làm bằng các vật liệu khác nhau (dây kim loại, gỗ, thép, sợi thủy tinh) và có thể được sử dụng ở các địa điểm khác nhau (tòa án, sân chơi, tài sản nhà ở hoặc cơ sở công nghiệp).

 ***5169 Công tác lắp đặt khác***

 51691Công tác xây dựng thang máy và thang cuốn

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm thang máy và thang cuốn và vỉa hè động. Ngoài ra bao gồm công tác xây dựng thiết bị thoát hiểm khi hỏa hoạn (như cầu thang bộ).

 51699Công tác lắp đặt khác chưa được phân vào đâu

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt khác chưa được phân vào đâu, bao gồm những hàng hóa không được coi là 1 phần của kết cấu xây dựng cơ bản (như công tác lắp đặt rèm và mái hiên).

 **517 Hoàn thành và nghiệm thu công việc**

 5171-51710 Công tác lắp kính và lắp đặt kính cửa sổ

 Công tác xây dựng thương mại đặc biệt bao gồm kính, kính ốp, gương và các sản phẩm kính khác; công tác đóng, khóa như công tác lắp đặt kính cửa sổ.

 5172- 51720 Trát tường

 Trát trong và ngoài trong xây dựng công trình thương mại đặc biệt bằng vữa hoặc thạch cao và các vật liệu cơ sở tiện gia. Công việc làm khô tường liên quan đến việc lắp đặt các tấm ốp thạch cao.

 5173-51730 Sơn

 Sơn trong các công trình thương mại đặc biệt và công trình xây dựng có liên quan tới nội và ngoại thất tòa nhà, và công việc sơn các kết cấu nặng (kỹ thuật xây dựng), bao gồm cả mặt đường và đánh dấu mặt đường và khu bãi đậu xe.

 Loại trừ: Sơn mái nhà được phân loại trong khoản 51530 (lợp mái và chống thấm).

 5174- 51740 Công việc ốp sàn và tường

 Việc lắp đặt và bố trí sứ, bê tông hoặc gạch cắt lát sàn hoặc tường bằng đá trong xây dựng công trình thương mại đặc biệt.

 5175- 51750 Giấy dán và bao phủ tường,

 Trải thảm, vải sơn, gạch nhựa, sàn đàn hồi, sàn gỗ và sàn gỗ cứng khác trong xây dựng công trình thương mại đặc biệt.

 Việc dán giấy dán tường. Bao gồm các công việc hoàn thiện liên quan.

 Loại trừ: Lắp đặt sàn bê tông (trừ gạch) được phân loại trong khoản 51540 (bê tông).

 Công việc lắp đặt ốp sàn bằng đá và gốm được phân loại trong khoản 51740 (sàn và tường ốp lát).

 5176- 51760 Gỗ và kim loại mộc và mộc

 Công trình xây dựng thương mại đặc biệt liên quan đến các công việc mộc, sửa chữa khuôn gỗ ván cho các dự án xây dựng và tòa nhà và lắp đặt tủ tại công trường xây dựng.

 5177-51770 Trang trí nội thất

 Đá mài đổ tại chỗ, đá cẩm thạch nội thất, đá granit trong xây dựng công trình thương mại đặc biệt.

 Loại trừ: Công việc trang trí ngoại thất được phân loại trong khoản 51560 (nề).

 Công việc ốp gạch được xếp vào khoản 51740 (sàn và tường ốp lát).

 5178-51780 Trang trí

 Quy định tiêu chuẩn hoặc tùy chỉnh thành phần chế tạo kim loại tấm, trang trí kim loại hoặc thép, và làm kim loại trang trí hoặc kiến trúc trong xây dựng công trình thương mại đặc biệt.Công việc trang trí như này có thể được cho mục đích hữu dụng, ví dụ:tấm phủ kim loại sưởi hoặc ống dẫn điều hòa không khí.

 Loại trừ: Công việc ốp lợp tấm kim loại được xếp vào khoản 51530 (lợp mái và chống thấm).

 5179-51790 Hoàn thành xây dựng và nghiệm thu

 Hoàn thành và nghiệm thu xây dựng công trình thương mại đặc biệt, ví dụ cách âm liên quan đến việc áp dụng các tấm cách âm, ngói và các vật liệu khác để bức tường nội thất, trần nhà, và hơi nước hoặc làm sạch cát bên ngoài tòa nhà.

 518 Dịch vụ thuê liên quan đến thiết bị xây dựng hoặc phá hủy các tòa nhà, công trình xây dựng dân dụng, và điều hành.

 5180- 51800 Cho thuê các dịch vụ liên quan đến thiết bị xây dựng hoặc phá hủy các tòa nhà, công trình xây dựng dân dụng, với điều hành

 Dịch vụ thuê hoặc cho thuê liên quan đến xây dựng hoặc thiết bị phá dỡ có người điều khiển và dịch vụ vận hành được cung cấp bởi các nhà điều hành.

 Loại trừ: Dịch vụ thuê hoặc cho thuê liên quan đến máy móc và thiết bị xây dựng mà không điều hành được phân loại trong khoản 83107.

**TIỂU MỤC 52: CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

 Nhà ở, nhà thương mại, công trình kỹ thuật dân dụng đã hoàn thành hoặc làm dang dở đang trong giai đoạn điều tra.

 Sản phẩm được phân loại ở đây là hàng không vận chuyển hoặc, trong thuật ngữ SNA, tài sản cố định hữu hình, phi tài chính, và việc sản xuất của họ có thể tạo tổng chi phí đầu tư.

 **521 Tòa nhà**

 ***5211 Nhà ở***

 52111 Nhà ở đơn và ghép đôi

 Nhà ở với một hoặc hai ngôi nhà.

 52119 Nhà ở khác

 Nhà ở với ba hoặc nhiều hơn nhà ở.

 ***5212 Tòa nhà thương mại***

 52121 Kho hàng và các tòa nhà công nghiệp

 Tòa nhà được sử dụng để hoạt động kho bãi và các hoạt động sản xuất và lắp ráp công nghiệp cơ sở, ví dụ: phân xưởng, nhà máy, nhà xưởng.

 Loại trừ: tòa nhà trang trại thương mại không được phân loại trong khoản 52129 (các tòa nhà khác).

 52122 Tòa nhà thương mại

 Tòa nhà thương mại, bao gồm các tòa nhà văn phòng, các tòa nhà ngân hàng, tòa nhà sử dụng chủ yếu trong bán buôn và bán lẻ các ngành nghề, ví dụ cửa hàng, hàng không, đường sắt, vận tải đường bến, bãi đậu xe và trạm xăng dầu và dịch vụ.

 52123 Công trình tòa giải trí công cộng để giải trí công cộng, ví dụ nhà hát, phòng hòa nhạc, nhà hát hình ảnh chuyển động, vũ trường và câu lạc bộ đêm.

 Loại trừ: Bảo tàng, phòng trưng bày nghệ thuật, thư viện và các tòa nhà tương tự được phân loại trong khoản 52125 (tòa nhà giáo dục).

 Công trình thể thao và vui chơi giải trí được xếp vào khoản 5227.

 52124 Tòa nhà khách sạn, nhà hàng và tương tự

 Khách sạn, nhà hàng và các tòa nhà khác được sử dụng trong việc cung cấp chỗ ở ngắn hạn, thực phẩm và đồ uống.

 52125 Tòa nhà giáo dục

 Tòa nhà sử dụng trực tiếp vào các hoạt động giảng dạy, ví dụ trường học, trường đại học, viện bảo tàng, phòng trưng bày nghệ thuật, thư viện.

 52126 Tòa nhà y tế

 Tòa nhà sử dụng để cung cấp bệnh viện và khu chăm sóc y tế, ví dụ bệnh viện, bệnh xá, nhà điều dưỡng, nhà dưỡng lão.

 52129 Công trình khác

 Công trình, không phải ở những nơi khác được phân loại, ví dụ các tòa nhà tôn giáo, công trình công cộng, tòa nhà trang trại thương mại.

 Loại trừ: Công trình thể thao và vui chơi giải trí được xếp vào nhóm 5227.

 **522 Công trình kỹ thuật dân dụng**

 ***5221 Đường cao tốc (trừ đường cao tốc trên cao), đường phố, đường giao thông, đường sắt, đường băng sân bay***

 52211 Đường cao tốc (trừ đường cao tốc trên cao), đường phố, đường giao thông

 Đường cao tốc (trừ đường cao tốc trên cao), đường phố, đường giao thông và các phương thức giao thông xe cộ và người đi bộ khác. hàng rào chắn tàu và bề mặt khu vực đậu xe, đường vào hầm và cầu vượt cho người đi bộ hoặc khu vực cho xe đạp.

 Loại trừ: đường cao tốc tầng và đường cao tốc đường hầm được phân loại trong khoản 52222 và 52223, tương ứng.

 52212 Đường sắt

 Tàu xe lửa giường nằm cho đường dài và đường sắt vé tháng, đường xe điện trên phố, và các hệ thống vận chuyển nhanh đô thị ngầm hoặc trên cao. Kết cấu đường sắt điện khí được bao gồm.

 Loại trừ: công trình xây dựng tàu điện ngầm khác được phân loại trong khoản 52224 (tàu điện ngầm).

52213 Đường băng sân bay

Đường băng sân bay, bao gồm cả đường lăn và các cấu trúc sân bay khác hơn là các tòa nhà

***5222 Cầu, đường cao tốc nhiều tầng, đường hầm và tàu điện ngầm***

52221 Cầu

Cầu và cầu cạn bằng kim loại, bê tông hoặc vật liệu khác, cho tất cả các loại giao thông và người đi bộ.

52222 Đường cao tốc nhiều tầng

Đường cao tốc nhiều tầng cao đối với phương tiện giao thông cơ giới.

52223 Đường hầm

Đường cao tốc và đường sắt đường hầm (trừ đường sắt ngầm) và các công trình liên quan đến xây dựng đường hầm.

Loại trừ: xe cộ và hầm cho người đi bộ được phân loại trong khoản 52211 (đường cao tốc (trừ đường cao tốc trên cao), đường phố, đường giao thông, đường sắt, đường băng sân bay).

Hầm đường sắt ngầm được phân loại trong khoản 52224 (tàu điện ngầm).

Địa đạo kết hợp với các hoạt động khai thác khoáng sản được phân loại trong khoản 52261 (công trình khai thác mỏ).

52224 Tàu điện ngầm

Công trình xây dựng đường hầm và công trình ngầm khác liên quan đến giao thông đường sắt ngầm.

***5223 Đường thủy, bến cảng, đập và các nhà máy nước khác***

52231 Cống dẫn nước và đường ống cấp nước khác, ngoại trừ đường ống

Cống dẫn nước, đường ống dẫn nước và đường thủy tương tự đã được thiết kế để vận chuyển nước cho mục đích cấp nước, ngoại trừ đường ống.

Loại trừ: máy nước phục vụ tưới tiêu, kiểm soát lũ lụt được phân loại trong khoản 52234.

Những đường ống đường dài và đường ống dẫn địa phương được phân loại trong khoản 52241 và 52250, tương ứng.

52232 Cảng, sông ngòi, kênh rạch, và thiết bị liên quan

Đáy cảng và các kênh bến cảng, đê chắn sóng, cầu tàu, bến và các cấu trúc tương tự, và công trình trên sông và công trình xây dựng kênh đào cho giao thông vận tải đường thủy.

52233 Đập

Đập và các cấu trúc chứa nước tương tự và kè cho khu vực ven biển duyên hải và các vùng khác.

52234 Thủy lợi và kiểm soát lũ lụt cấp nước

Thủy lợi và kiểm soát lũ lụt cấp nước.

Loại trừ: Đường thủy cho mục đích cấp nước được phân loại trong khoản 52231 (cống dẫn nước và ống dẫn cấp nước khác, ngoại trừ đường ống).

***5224 Đường ống đường dài, truyền thông và các đường dây điện (cáp)***

52241 Đường ống đường dài

Đường ống xa bờ hoặc đường ống ngầm dùng trong vận chuyển các sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, nước hoặc các sản phẩm khác.

Loại trừ: ga đô thị hoặc hệ thống phân phối nước thông qua đường ống được phân loại trong khoản 52250 (đường ống dẫn địa phương và cáp điện, công trình phụ trợ).

52242 Đường truyền thông (truyền hình, radio, điện báo, điện thoại và đường dây truyền tải khác)

Đường ống xa bờ hoặc đường truyền viễn thông ngầm, truyền hình như là: radio, điện báo, điện thoại và đường truyền dẫn khác.

52243 Đường điện (cáp)

Đường dây tải điện cao thế đường dài (cáp).

Loại trừ: Đường dây phân phối điện hạ thế được phân loại trong khoản 52250 (đường ống dẫn địa phương và cáp điện, công trình phụ trợ).

5225-52250 Đường ống dẫn và cáp địa phương; công trình phụ trợ

Đường ống dẫn khí đốt, nước và đường ống dẫn nước và hệ thống thoát nước và đường dây điện và truyền thông truyền dẫn nội hạt (cáp).

Công trình phụ trợ như tháp truyền bao gồm ăng ten, trạm biến thế và trạm biến áp phân phối trong phạm vi ranh giới địa phương. Hệ thống tiện ích công cộng địa phương, không được phân loại ở nơi khác.

***5226 Công trình khai thác mỏ và sản xuất***

52261 Công trình khai thác mỏ

Khai thác mỏ và những cơ sở vật chất liên quan, chẳng hạn như vận chuyển mỏ và trạm xả, hầm uốn khúc và các tháp, đường hầm và đường hầm ngang kết hợp với các hoạt động khai thác mỏ.

52262 Công trình nhà máy điện

Nhà máy phát điện nặng và thiết bị bao gồm các nhà máy và thiết bị cho các trạm phát điện cung cấp hạt nhân.

52263 Cơ sở hóa chất và những hóa chất liên quan

Hóa chất và nhà máy hóa chất có liên quan, ví dụ lò và lò than cốc, sản xuất hóa chất cơ bản, các hợp chất, dược phẩm và hóa chất khác.

Loại trừ: Các công trình công nghiệp mà không phải công trình chuyên dụng để sản xuất các sản phẩm cụ thể được phân loại trong khoản 52121 (kho hàng và các công trình công nghiệp).

52269 Công trình xây dựng khác cho sản xuất

Cơ sở chuyên sản xuất, không thuộc trong các khoản được phân loại, ví dụ xưởng đúc sắt.

Loại trừ: Các công trình công nghiệp mà không phải các công trình chuyên dụng để sản xuất các sản phẩm cụ thể được phân loại trong khoản 52121 (kho hàng và các công trình công nghiệp).

***5227 Các công trình thể thao và vui chơi giải trí***

52271 Sân vận động, các sân chơi thể thao ngoài trời khác nói chung như bóng đá, bóng chày, bóng bầu dục, điền kinh, xe đạp hoặc xe đua và đua ngựa. Sân vận động nói chung cung cấp chỗ ngồi và/hoặc đứng đáng kể cho khán giả.

52279 Thể thao và vui chơi giải trí có sự lắp đặt khác (ví dụ như hồ bơi, sân tennis, sân golf)

Thể thao và vui chơi giải trí có sự lắp đặt khác. Việc lắp đặt thể thao đã được phân loại ở đây chủ yếu là cho các môn thể thao trong nhà và cung cấp chỗ ngồi hạn chế hoặc chỗ ở tiện nghị khác cho khán giả, ví dụ sân bóng rổ, sân trượt băng khúc côn cầu, hồ bơi, sân tennis, phòng thể dục, đài thi đấu đấm bốc, sân trượt băng.

Sự lắp đặt cho vui chơi giải trí, ví dụ sân golf, sự lắp đặt ngoài bãi biển, nơi trú ẩn trên núi, bến du thuyền cho du thuyền, công viên và các cơ sở công viên giải trí.

5229-52290 Công trình kỹ thuật dân dụng khác

Công trình kỹ thuật dân dụng khác, không được phân loại khoản khác.

**PHẦN 82 DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN**

821-8210 Dịch vụ bất động sản liên quan đến tài sản riêng hoặc thuê

82101 Các dịch vụ cho thuê liên quan đến bất động sản nhà ở của chủ sở hữu hoặc người thuê

Các dịch vụ cho thuê bất động sản nhà ở của chủ sở hữu hoặc người thuê cho người khác. Ví dụ như nhà ở, căn hộ, tòa nhà chung cư, tòa nhà đa năng mà chủ yếu là dân cư và các địa điểm nhà ở di động.

Loại trừ: Dịch vụ nhà nghỉ cung cấp bởi khách sạn đang hoạt động, nhà nghỉ, nhà ở chung phòng, ký túc xá trường học, các địa điểm cắm trại và nơi khác được phân loại vào nhóm 641 (dịch vụ khách sạn và nơi nghỉ khác).

82102 Các dịch vụ cho thuê liên quan đến bất động sản riêng hoặc thuê không phải là nhà ở

Dịch vụ cho thuê các tòa nhà hay bất động sản công nghiệp, thương mại hay không phải là nhà ở khác bởi chủ sở hữu hoặc người thuê cho người khác. Ví dụ như nhà máy, tòa nhà văn phòng, kho tàng, nhà hát và nhà sử dụng đa năng mà chủ yếu không phải cho mục đích ở, cũng như bất động sản nông nghiệp, lâm nghiệp và tương tự, và đất khai thác khoáng sản, khai thác dầu.

82103 Bán nhà ở và đất

Bán các tòa nhà ở và đất của mình trong trường hợp việc bán đó được coi là bán vốn thương mại của người bán, mà không phải là việc bán bất động sản nơi mà việc bán đólà sự chuyển nhượng các tài sản cố định của đơn vị bán. Ví dụ về tài sản nhà ở bao gồm nhà đất, tòa nhà chung cư với đất và các đơn vị nhà ở trong các tòa nhà như vậy, chẳng hạn như căn hộ riêng lẻ hoặc chung cư cao tầng. Tài sản đó có thể là tài sản sở hữu hoặc thuê. Cũng bao gồm việc tự mình bán bán các tòa nhà ở đã được xây theo hợp đồng bởimột đơn vị thi công cho đơn vị (bên) bán và được coi là giao dịch vốn của người bán.

Loại trừ: Việc bán tài sản đã được xây trên thực tế bởi đơn vị (bên) bán được phân loại vào nhóm 512 (công tácxây dựng tòa nhà).

82104 Bán đất ởtrống

Bán đất ở trống của mình trong trường hợp việc bán được coi là kinh doanh giao dịch vốn của người bán. Các khu đất trống có thể bao gồm đất trống chia lô, và việc bán có thể bao gồm bán đất trống mà đơn vị (bên) bán phân lô trên thực tế.

82105 Bán đất và công trình phi nhà ở

Bán bất động sản của mình là các tòa nhà phi nhà ở và đất trong trường hợp việc bán được coi là bán vốn thương mại của người bán, màkhông phải là bán bất động sản, nơi mà việc bán là chuyển nhượng các tài sản cố định của đơn vị bán. Ví dụ về các tài sản phi nhà ở bao gồm các nhà máy, tòa nhà văn phòng, kho tàng, nhà hát và các tòa nhà sử dụng đa năng mà chủ yếu cho mục đích phi nhà ở cũng như bất động sản nông nghiệp, lâm nghiệp và tương tự, đất khai thác khoáng sản, khai thác dầu. Tài sản đó có thể là tài sản sở hữu hay thuê. Cũng bao gồm việc tự mình bán bán các tòa phi nhà ở đã được xây theo hợp đồng bởi một đơn vị thi công cho đơn vị (bên) bán và được coi là giao dịch vốn của người bán.

Loại trừ: Việc bán tài sản đã được xây trên thực tế bởi đơn vị (bên) bán được phân loại vào nhóm 512 (công tác xây dựng tòa nhà).

82106 Bán đất trống phi nhà ở

Bán đấttrống phi nhà ởcủa mình trong trường hợp việc bán được coi là kinh doanh giao dịch vốn của người bán. Các khu đất trống có thể bao gồm đất trống chia lô, và việc bán có thể bao gồm bán đất trống mà đơn vị (bên) bán phân lô trên thực tế.

822-8220 Dịch vụ bất động sản trên một cơ sở phí hoặc hợp đồng

82201 Dịch vụ quản lý bất động sản nhà ở trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Dịch vụ quản lý (bao gồm cho thuê hoặc thẩm định) nhà ở và bất động sản nhà ở khác, trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Bao gồm cả dịch vụ quản lý cho các tòa nhà chung cư (hoặc tòa nhà sử dụng đa năng mà chủ yếu là cho mục đích ở) và các điểm nhà ở di động.

82202 Dịch vụ quản lý bất động sản phi nhà ở trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Các dịch vụ quản lý (bao gồm cả cho thuê hoặc thẩm định) bất động sản công nghiệp và thương mại, nhà hát, các tòa nhà sử dụng đa năng mà chủ yếu là phi nhà ở, vv, trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Bao gồm cả dịch vụ quản lý liên quan đến bất động sản nông nghiệp, lâm nghiệp và tương tự trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

82203 Bánnhà ở và đất trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Bán nhà ở, căn hộ, tòa nhà chung cư và bất động sản nhà ở khác, trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

82204 Bán đất ở trống trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Bán đất ở trống, trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

82205 Bán nhà phi nhà ở vàđấttrên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Bán các tòa nhà phi nhà ở và đất, như văn phòng, nhà máy, cửa hàng, vv, trên cơ sởphí hoặc hợp đồng.

82206 Bán đất trống phi nhà ở trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Bán đất trốngphi nhà ở trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.